

Số: **19** /2020/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **03** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung
về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo
Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
 lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động
khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi,*

bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 731/TTr-STNMT ngày 15 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi tên Mục 2 như sau:

“Mục 2

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Cột 3, Phụ lục II, Mục I của Phụ Lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Tiếp nhận, tổ chức thẩm định và trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ dự án trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tham mưu giải quyết theo quy định;

b) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, quyết định danh sách cơ quan, tổ chức, chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định và tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện theo kết quả thẩm định.

2. Chi cục Bảo vệ môi trường là cơ quan tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác tổ chức thẩm định và trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Công khai và gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

1. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm công khai quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, đồng thời gửi quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường đến chủ dự án thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh và các cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trong trường hợp dự án thực hiện trong khu công nghiệp; gửi quyết định phê duyệt cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái đối với trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án khai thác khoáng sản.

2. Sau khi nhận được quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường do các bộ, cơ quan ngang bộ gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm sao y và gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trong trường hợp dự án thực hiện trong khu công nghiệp; gửi quyết định phê duyệt cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái đối với trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án khai thác khoáng sản”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trách nhiệm chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

Ngoài việc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc những nội dung yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải thực hiện những nội dung sau đây:

1. Thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, thi công xây dựng và kiểm tra nghiệm thu các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đưa ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường có hạng mục xây dựng.

2. Thực hiện trách nhiệm theo các nội dung quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thay đổi quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

1. Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, nếu dự án có những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ sản xuất làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận về môi trường của dự án có báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xin ý kiến thẩm định của các chuyên gia trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chấp thuận theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ (*bổ sung Điều 16a Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*).

3. Đối với những thay đổi các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hoặc những thay đổi khác so với nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và không thuộc trường hợp phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án tự xem xét, quyết định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thể hiện trong hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

1. Chủ các dự án và chủ các cơ sở đã đi vào vận hành thuộc đối tượng quy định tại Cột 4, Phụ lục II, Mục I của Phụ Lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tổ chức kiểm tra và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chi cục Bảo vệ môi trường là cơ quan tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức hoạt động kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

3. Hoạt động kiểm tra và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường”.

8. Sửa đổi tên Mục 3 như sau:

“Mục 3

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất có tổng quy mô, công suất của cơ sở đang hoạt động và phần đầu tư mới thuộc đối tượng quy định tại Cột 5, Phụ lục II, Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

2. Các dự án đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành và các dự án, cơ sở đã đi vào vận hành mà chưa có xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ tương đương có quy mô, công suất tương đương với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án, phương án đầu tư mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có phát sinh lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m³/ngày (24 giờ) hoặc chất thải rắn từ 01 tấn/ngày (24 giờ) đến dưới 10 tấn/ngày (24 giờ) hoặc khí thải từ 5.000 m³ khí thải/giờ đến dưới 20.000 m³ khí thải/giờ (bao gồm cả cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng) trừ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại Cột 3, Phụ lục II, Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

4. Đối tượng không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3 điều này được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Việc quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Tổ chức xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục IV, Mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

Chi cục Bảo vệ môi trường là cơ quan tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 1 của Quyết định này, trừ các đối tượng quy định tại khoản 1 điều này.

Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Kiểm tra, xử lý việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để kiểm tra, xử lý các vấn đề liên quan đến việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường do cơ quan, địa phương mình đã xác nhận đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án, cơ sở.

b) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện nội dung tại khoản 1 điều này”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Đối tượng và hình thức lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Các dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 trở đi thì phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường là một phần trong báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2. Các cơ sở khai thác khoáng sản đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 trở về trước nhưng chưa có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được

phê duyệt thì phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường dưới dạng báo cáo riêng để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Tiếp nhận, tổ chức thẩm định và trình phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với trường hợp lập báo cáo riêng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tham mưu giải quyết theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chi cục Bảo vệ môi trường là cơ quan giúp việc cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong hoạt động tổ chức thẩm định và trình phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

3. Việc tổ chức thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT).

4. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản sau khi được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện theo kết quả thẩm định”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Xác nhận và gửi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt

1. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp nhận quyết định phê duyệt từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và xác nhận vào trang phụ bì của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường gửi quyết định phê duyệt, kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho chủ cơ sở khai thác khoáng sản thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; gửi cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở thực hiện; gửi Quyết định phê duyệt cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt được thực hiện như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt thuộc thẩm quyền kiểm tra, xác nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trình tự, thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt được thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18 và 19 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

2. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện như sau:

a) Việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lồng ghép trong quá trình nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc lồng ghép việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường với việc kiểm tra, nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ theo trình tự, thủ tục quy định;

c) Trường hợp khi lập đề án đóng cửa mỏ mà nội dung cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi, sai khác so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thì nội dung cải tạo, phục hồi môi trường được đưa vào trong đề án đóng cửa mỏ để Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt theo quy định”.

16. Sửa đổi khoản 2, Điều 21 như sau:

“2. Việc tổ chức điều tra, đánh giá và công khai thông tin về chất lượng môi trường đất; kiểm soát ô nhiễm môi trường đất; xử lý các khu vực đất bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu hoặc không xác định được đối tượng gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 11, Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP”.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 như sau:

“1. Các tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải

và phê liệu (sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) được bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP”.

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Các doanh nghiệp, đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 18 và Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 6, được sửa đổi tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP”.

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 như sau:

“7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện ngoài việc có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt còn phải chỉ đạo đơn vị chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện của từng địa phương; tổng hợp, báo cáo tình hình phát sinh và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm tại địa bàn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã ngoài việc xây dựng kế hoạch, thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn còn phải chỉ đạo các tổ tự quản, người dân thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý hoặc chuyển giao xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị chức năng phù hợp với điều kiện của từng địa phương; tổng hợp, báo cáo tình hình phát sinh và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 31 tháng 12 của năm để tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

2. Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường mới được xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn tỉnh Yên Bái và phải thực hiện các nội dung quy định tại khoản 16 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Quản lý nước thải

1. Các khu, cụm công nghiệp; các khu đô thị, khu dân cư tập trung, toà nhà cao tầng, tổ hợp công trình dịch vụ, thương mại; các cơ sở sản xuất, kinh

doanh, dịch vụ phải có hệ thống thu gom nước mưa, thu gom và xử lý nước thải theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

2. Các khu, cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ, thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nước thải với các nội dung quy định tại Điều 44 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Quản lý khí thải công nghiệp

1. Các chủ dự án, cơ sở có phát sinh khí thải công nghiệp và thuộc đối tượng phải kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phải xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu khí thải công nghiệp theo quy định tại khoản 21 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

2. Các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ, thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 23 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

3. Yêu cầu kỹ thuật về quan trắc khí thải định kỳ, quan trắc khí thải tự động, liên tục; chuẩn kết nối dữ liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường”.

21. Sửa đổi khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Nguyên tắc và căn cứ xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ được bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP”.

22. Bãi bỏ Phụ lục danh mục các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp


Hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường nộp vào Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trước thời điểm có hiệu lực của Quyết định này được thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm nộp hồ sơ; hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường nộp vào Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp sau thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

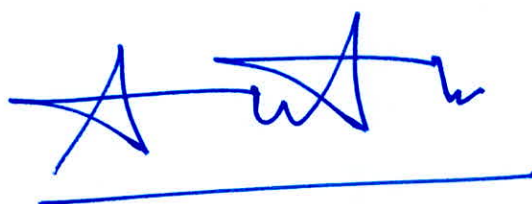
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn